

# SỨ MỆNH CỦA TRƯỜNG CÁN BỘ QUẢN LÝ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN II (CMARD2) VỚI NÔNG DÂN – CHỦ THỂ CỦA QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TS. NGUYỄN THẮNG

## Vai trò của nông dân

**D**ân cư nông thôn mà chủ yếu là nông dân hiện đang chiếm đa số trong xã hội, có điều kiện sinh hoạt giống nhau nhưng không ràng buộc với nhau trong sản xuất.

Ở Việt Nam, xuất phát từ một xã hội nông nghiệp sản xuất nhỏ, lạc hậu, nên quá trình đổi mới xuất phát từ nông nghiệp và tác nhân chính của quá trình đổi mới bắt đầu từ nông dân chứ không phải từ các thành phần khác hoặc từ công nhân nông nghiệp. Thực tế đã chứng minh, giai cấp nông dân Việt Nam đã tích cực, chủ động, sáng tạo trong sự nghiệp đổi mới, đưa Việt Nam ra khỏi cuộc khủng hoảng trầm trọng cuối những năm 80 của thế kỷ trước, tạo bước ngoặt mới cho sự phát triển của đất nước. Chính nông dân đã khắc phục tình trạng thiếu lương thực triền miên trước đây và đã đưa nước ta đứng hàng thứ nhì trên thế giới về xuất khẩu gạo. Nông dân tạo nên những biến đổi tích cực trong đời sống kinh tế, xã hội ở nông thôn, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị quốc gia.

Ngày nay, trong quá trình công

ngiệp hóa, hiện đại hoá và đô thị hóa, nông dân trên thế giới có xu hướng thu hẹp về số lượng (xét về xu thế phát triển, nông dân sẽ giảm về khía cạnh tương đối lẫn khía cạnh tuyệt đối). Điều này được xem là một sự biến đổi khách quan mang tính chiến lược cho tất cả các quốc gia trên hành tinh này. Do đó, dân cư nông thôn nói chung và nông dân nói riêng là chủ thể quá trình phát triển nông thôn bền vững. Vấn đề đặt ra là xu hướng phát triển của nông dân trong thời đại ngày nay như thế nào? Vấn đề đặt ra với nông dân là gì?

Với tư cách là người khởi sự công cuộc đổi mới, nên người nông dân Việt Nam thật sự trở lại với chính mình, đó là việc thừa nhận lợi ích cá nhân của người lao động, là động lực trực tiếp phát triển kinh tế xã hội. Thừa nhận hộ nông dân là đơn vị kinh tế độc lập, tự chủ, người nông dân là chủ thể kinh doanh trên từng mảnh ruộng vườn cây, ao cá, đàn gia súc, do đó đời sống của nông dân được cải thiện... Người nông dân nói riêng và cư dân nông thôn nói chung trong bối cảnh hội nhập và quá

trình công nghiệp hóa ở Việt Nam được xác lập vị thế là chủ thể trong tiến trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó:

- Dân cư nông thôn, trước hết là nông dân, phải là chủ thể;
- Nông nghiệp là then chốt;
- Nông thôn là địa bàn tự nhiên, kinh tế - xã hội.

Định hướng phát triển của Việt Nam là đến năm 2020, lực lượng lao động nông nghiệp còn 30% tổng số lao động xã hội, trong đó 50% được đào tạo. Vấn đề đặt ra là giảm lực lượng lao động nông nghiệp để làm gì? Phải chăng là để nâng cao đời sống cho nông dân và chuyển nông dân thành người lao động trong các khu vực khác để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước.

Do đó, muốn giải quyết vấn đề nâng cao đời sống cho dân cư nông thôn hiện đại, không có con đường nào khác là nâng cao dân trí cho họ, đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở nước ta.

Quá trình biến nông dân trở thành người lao động cho các khu vực khác theo 2 hướng:

- Nông dân trở thành công nhân nông nghiệp làm việc trong các trang trại là chủ yếu;
- Nông dân trở thành công nhân làm việc các cơ sở kinh tế - xã hội ở nông thôn hoặc trong các khu công nghiệp và đô thị.

Để đạt được mục tiêu trên, 3 biện pháp cần tiến hành song song với nhau là:

(i) Tích tụ ruộng đất phát triển trang trại phù hợp với qui mô kinh doanh và năng lực của các chủ trang trại đối với từng loại sản phẩm nông nghiệp. Bởi lẽ, đối với nông dân, đất đai là cơ sở quyết định sự sinh tồn của họ, sự thịnh vượng của gia đình họ, là điều kiện để thoả mãn mọi nhu cầu của con người và là cơ sở quyết định việc tạo ra của cải vật chất cho xã hội.

(ii) Nâng cao dân trí và đào tạo nghề cho nông dân mà trước hết là nghề quản lý kinh doanh nông nghiệp.

(iii) Đào tạo nghề con em nông dân để họ đủ khả năng trở thành công nhân trong nông nghiệp và các khu vực sản xuất khác.

Bài viết này chỉ bàn đến khía cạnh đào tạo nghề như là một trong những biện pháp thiết yếu để những người lao động trong các hộ dân cư sinh sống ở nông thôn nói chung và nông dân nói riêng đảm nhận tốt hơn vai trò chủ thể của mình trong tiến trình phát triển.

### **Thực trạng dân cư nông thôn Việt Nam**

Để minh họa cho thực trạng của nông dân Việt Nam, xin được trích dẫn một vài số liệu. Theo kết quả điều tra năm 2006, chỉ có 8,16% người lao động nông nghiệp được đào tạo, trong đó chỉ có 2,97% người có bằng sơ cấp, 2,97% người có bằng trung cấp, 1,14% người có bằng cao đẳng và 1,08% người có bằng đại học.

Do những yếu kém về trình độ học vấn và về kỹ năng lao động, nên tình trạng thu nhập thấp và thiếu việc làm ngày càng phổ biến ở nhiều vùng nông

thôn. Thu nhập bình quân đầu người dân nông thôn chỉ bằng 47,8% thu nhập của người dân thành thị; chênh lệch giữa nhóm có thu nhập thấp nhất và cao nhất ngày càng xa hơn. Nếu như tỷ lệ nghèo chung ở thành thị chỉ là 3,9% thì tỷ lệ này ở nông thôn là 20,4%.

Diện tích đất canh tác ngày bị thu hẹp dần do yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, xây dựng các khu công nghiệp và đô thị. Người nông dân được nhận tiền đền bù giá trị quyền sử dụng đất nhưng không biết sử dụng một cách có hiệu quả, không biết tìm kiếm cơ hội kinh doanh để tự mình trở thành ông chủ. Người nông dân chấp nhận con đường làm thuê nhưng lại không thể kiếm được việc làm do trình độ tay nghề chỉ ở cấp độ lao động phổ thông.

Với khoảng 70% dân số sống bằng nông nghiệp và khi hơn 10 triệu hộ nông dân phải đương đầu với những khó khăn như sản xuất nông nghiệp có nhiều rủi ro, thiên tai, dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và chịu sức ép cạnh tranh từ hàng nông sản nước ngoài nên đời sống của nông dân Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn. Sự dư thừa sức lao động trong ngành nông nghiệp đã và đang làm gia tăng nguồn cung cấp sức lao động phổ thông dẫn đến tình trạng thiếu việc làm gây sức ép cho toàn xã hội.

Là sản phẩm của nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu đã tồn tại nhiều thế kỷ ở nước ta, cách nghĩ, cách làm, cách sống của người nông dân Việt Nam mang nặng tâm lý của người tiểu nông sản xuất tự phát, manh mún... Tầm nhìn hẹp, tính

thụ động, không dám mạo hiểm, tác phong làm ăn tùy tiện, ý thức kỷ luật kém,... không phù hợp với những đòi hỏi của phong cách công nghiệp của kinh tế thị trường, hơn nữa lại là kinh tế thị trường ở quy mô toàn cầu.

Kinh tế thị trường ở cấp độ toàn cầu đòi hỏi các chủ doanh nghiệp, kể cả nông dân phải có kiến thức về kinh tế thị trường và khả năng quản lý sản xuất kinh doanh trong môi trường kinh tế hội nhập, hiểu biết khoa học công nghệ, pháp luật trong nước và quốc tế; có ý thức tuân thủ pháp luật, có tính năng động, nhạy bén và sáng tạo, tính quyết đoán cao, dám mạo hiểm...

Trong khi đó, người dân nông thôn mà trước hết là nông dân - chủ thể chính của quá trình phát triển nông thôn - vẫn tự trói mình trong nếp nghĩ, cách làm của người tiểu nông và chưa sẵn sàng gia nhập vào sân chơi chung của hội nhập quốc tế.

### **Vai trò của CMARD2 trong việc nâng cao năng lực cho nông dân nói riêng và dân cư nông thôn nói chung**

Với thực trạng, nguy cơ mà khu vực nông nghiệp và người dân nông thôn đang phải đối mặt, vấn đề cần được quan tâm đặc biệt hiện nay là nông nghiệp - nông dân - nông thôn như là ba khía cạnh không thể tách rời nhau trong tiến trình phát triển nông thôn bền vững. Để nâng cao mức sống cho nông dân, những nhà hoạch định chính sách, những nhà nghiên cứu, những nhà khoa học, những nhà quy hoạch, thực thi chính sách... cần phải hợp lực để giải bài toán một cách toàn diện. Một mặt cần có những chính sách phù

hợp với thực tiễn, cần có giải pháp kỹ thuật hỗ trợ phát triển nông nghiệp ở trình độ cao hơn, mang lại hiệu quả cao hơn; mặt khác cần “tăng sức mạnh” cho dân cư nông thôn để họ có tự tin giải quyết các vấn đề, thách thức mà họ đang đối mặt.

Để thực hiện tốt chức năng đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cho đội ngũ nhân lực trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, trải qua gần 30 năm phát triển, Trường Cán bộ quản lý nông nghiệp và PTNT II - CMARD2 đã và đang tổ chức nhiều khoá học dài hạn và ngắn hạn để nâng cao năng lực cho nông dân nói riêng và dân cư nông thôn nói chung một cách trực tiếp và gián tiếp. Nội dung bồi dưỡng rất đa dạng, xuất phát từ những nhu cầu bức xúc trong thực tế như: cập nhật kiến thức cơ bản về pháp luật, cơ chế, chính sách, quản trị kinh doanh, phân tích thị trường, khuyến nông, phát triển nông thôn, kỹ thuật sản xuất...

Số lượng học viên được bồi dưỡng, đào tạo hàng năm không ngừng tăng lên. Từ số lượng hàng trăm học viên được bồi dưỡng hàng năm vào những năm đầu khi trường mới thành lập, cho đến nay, mỗi năm Trường đã đào tạo, bồi dưỡng được gần 10.000 lượt người, là cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp thuộc ngành nông nghiệp và PTNT, các nhà quản trị kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp (kể cả trang trại và HTX) hoạt động trong nông nghiệp, nông thôn, cán bộ khuyến nông và PTNT các cấp.

Đồng thời, hàng năm trường đã thực hiện các đề tài nghiên cứu theo chương trình của Bộ Nông nghiệp và PTNT, phối hợp với các Sở nông nghiệp và PTNT, Sở Khoa học - công nghệ, các tổng công ty và các tổ chức khác trong và ngoài nước để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng. Nghiên cứu khoa học thực sự đã và đang là sức sống của Trường, được coi là nhiệm vụ chính cùng với nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và thái độ quản lý.

Các kết quả nghiên cứu đã được chuyển giao cho cơ quan hoạch định để nghiên cứu điều chỉnh các chính sách liên quan đến ngành, được các đơn vị đặt hàng sử dụng, và dùng để biên soạn tài liệu giảng dạy cho các lớp đào tạo, bồi dưỡng do trường tổ chức theo phương châm lấy kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn để bổ sung cho lý thuyết đào tạo, bồi dưỡng và vận dụng vào quản lý sản xuất kinh doanh của ngành bằng hình thức tư vấn cho các doanh nghiệp.

Trong những năm qua, Trường đã thực hiện tư vấn về quản lý cho một số hợp tác xã, các doanh nghiệp, tư vấn lập dự án xây dựng nông thôn mới, tư vấn phát triển nguồn nhân lực, lập phương án hệ thống quản lý lao động tiền lương cho một số công ty...

Để có được những kết quả trên, những năm qua Trường đã tích cực đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên đủ mạnh để đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu khoa học và tư vấn cho các doanh nghiệp và thực hiện

nhiệm vụ Bộ giao. Đến nay nhà trường đã có 94% giáo viên có trình độ trên đại học (trong đó có 1 phó giáo sư, 5 tiến sĩ và 8 nghiên cứu sinh), ngoài ra hầu hết giáo viên còn được cử đi đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn trong và ngoài nước.

Các dự án hợp tác quốc tế

- Inwent, Đức;
- Đại học New Brunswick, Canada;
- Danida, Đan Mạch;
- ETSP, Thụy Sĩ;
- Socodevi, Canada;
- Searsolin, Philippines;
- Sedec;
- BTC, Bi.

### **Tương lai của CMARD2**

Với mong muốn đóng góp nhiều hơn vào sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, góp phần thực hiện Nghị quyết 26-TW về Nông nghiệp - Nông dân - Nông thôn, Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và PTNT II đang phấn đấu mở rộng phạm vi, nội dung hoạt động và chuyển đổi thành Học viện Quản lý phát triển.

### **Tầm nhìn**

Xây dựng Học viện Quản lý phát triển có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại với đội ngũ giáo viên có trình độ cao để trở thành trung tâm nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng, thái độ cho các nhà quản trị trong lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn và cho xã hội.

### **Sứ mệnh**

Học viện hàng đầu của Việt Nam về nghiên cứu khoa học, tư vấn và đào tạo nguồn nhân lực quản lý trong lĩnh vực

nông nghiệp - nông thôn; trở thành nhà cung cấp tin cậy các giải pháp, công cụ quản lý và phát triển nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn quốc tế cho ngành và cho xã hội.

### **Mục tiêu chiến lược**

1. Từ năm 2015 trở đi, mỗi năm cung cấp cho xã hội tối thiểu là 2.000 người có trình độ đại học của các chuyên ngành về quản lý trở lên.

2. Hàng năm bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, thái độ về quản lý cho khoảng 10.000 lượt học viên.

3. Hàng năm thực hiện 10-20 hợp đồng nghiên cứu khoa học và tư vấn.

### **Triết lý hoạt động**

1. Nhất thể hóa quá trình “thực tiễn quản lý kinh tế - xã hội - nghiên cứu ứng dụng - đào tạo bồi dưỡng và tư vấn”, lấy thực tiễn là đối tượng nghiên cứu và là căn cứ xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, lấy kết quả nghiên cứu khoa học làm nội dung giảng dạy và tư vấn cho các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước.

2. Thực hiện giáo dục chủ động, lấy người học làm trung tâm của quá trình giảng dạy; học bằng hành; học để thay đổi; học viên và giảng viên vừa là thầy, vừa là trò của nhau.

3. Kết hợp đào tạo và bồi dưỡng

4. Kết hợp đào tạo kiến thức, kỹ năng và thái độ.

5. Lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng.

Trên con đường phía trước, chúng tôi rất mong nhận được sự chia sẻ và hợp tác của tất cả các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.